TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 115/2019/HSPT
Ngày 26 - 03 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Thẩm phán: Ông Doãn Đình Quyến; ông Trần Duy Tuấn.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 03 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 63/2019/TLPT-HS ngày 16 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo Đặng Trần Phương U về tội *"Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ",* do có kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại là ông Nông Văn N, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2018/HS-ST ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo bị kháng cáo:

Họ và tên: **Đặng Trần Phương U**; sinh năm: 1980, tại tỉnh Đắk Lắk;

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở trước khi phạm tội: Tổ dân phố A, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn P và bà Trần Thị N1; bị cáo không có chồng, bị cáo có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh ngày 13/02/2019; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo được tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Bà Hoàng Thị T (đã chết);

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Nông Văn N (chồng của bà T); nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nông Văn N: Bà Phan Thị L; nơi cư trú: phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - Văn bản ủy quyền ngày 25/2/2019(Có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Quách Đình H; nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ ngày 13/9/2018, ông Nông Văn N (có giấy phép lái xe theo quy định) điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47L8 – 1377 (dung tích 97 cm^3) chở theo vợ là bà Hoàng Thị T ngồi phía sau đi trên đường thuộc Thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk thì ông N phát hiện xe máy kéo (không biển kiểm soát) do ông Huỳnh Văn V điều khiển đi từ đường liên thôn H ra đường liên xã B nên ông N ra tín hiệu (bằng đèn xi nhan bên trái) để tránh xe máy kéo. Cùng lúc này, Đặng Trần Phương U (có giấy phép lái xe theo quy định) điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 54X-5803 (xe của anh Quách Đình H cho U mượn để sử dụng) đi cùng chiều từ phía sau, vượt xe mô tô của ông N điều khiển. Do U vượt xe không đúng quy định nên đã xảy ra va chạm với xe mô tô của ông N, làm ông N và bà T ngã xuống đường. Hậu quả bà T tử vong tại chỗ, ông N bị xây xát nhẹ, xe mô tô biển kiểm soát 47L8 – 1377 bị hư hỏng nhẹ.

Hiện trường xảy ra vụ tại nạn giao thông là đường hai chiều, giữa mặt đường có vạch sơn kẻ màu vàng đứt quảng, chia mặt đường thành hai phần đường. Mặt đường rộng 5,5m, được làm bằng bê tông nhựa, phẳng, nhẵn. Đoạn đường thẳng không bị che khuất tầm nhìn, không có hệ thống biển báo hiệu giao thông đường bộ. Lấy trụ điện số 378A làm mốc cố định, mép đường bên phải theo hướng xã E đi xã B làm mép chuẩn, xác định: Điểm va chạm cách mép chuẩn là 3,2m.

Tại bản kết luận pháp y tử thi số 304 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận: Nguyên nhân tử vong của bà Hoàng Thị T là choáng chấn thương do tai nạn giao thông.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 01/2018/HSST ngày 06/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Đặng Trần Phương U phạm tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*".

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, n, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đặng Trần Phương U 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 4 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đặng Trần Phương U cho UBND phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 2 Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586, 591, 601 Bộ luật dân sự.

Bị cáo Đặng Trần Phương U và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Quách Đình H tiếp tục liên đới bồi thường cho gia đình người bị hại số tiền 85.000.000đ.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/12/2018, người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nông Văn N kháng cáo bản án số 01/2018/HSST ngày 06/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư M’gar với nội dung: Không cho bị cáo Đặng Trần Phương U được hưởng án treo và yêu cầu bị cáo cùng với chủ phương tiện ông Quách Đình H phải liên đới bồi thường cho ông số tiền 100.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và khẳng định: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Đặng Trần Phương U về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo khoản 1 Điều 260 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Xét mức hình phạt 02

(hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm mà cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Bởi lẽ, bị cáo Đặng Trần Phương U là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho gia đình người bị hại để khắc phục hậu quả; khi phạm tội bị cáo là phụ nữ đang mang thai; bị cáo không có chồng một mình phải nuôi dạy 04 con nhỏ, cháu lớn nhất sinh năm 2000, cháu nhỏ nhất sinh ngày 13/02/2019. Bị cáo có đủ các điều kiện được hưởng án treo được quy định tại Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nông Văn N không cho bị cáo được hưởng án treo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo.

Về phần trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Đặng Trần Phương U, người đại diện hợp pháp của bị hại, người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Quách Đình H cụ thể, số tiền 140.000.000 đồng gồm: tiền chi phí mai táng, tiền bù đắp tổn thất tinh thần và các chi phí hợp lý khác mà người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu, sau khi khấu trừ số tiền 40.000.000 đồng bị cáo đã bồi thường. Số tiền còn lại 100.000.000 đồng bị cáo có trách nhiệm bồi thường 70.000.000 đồng và ông Quách Đình H có trách nhiệm bồi thường 30.000.000 đồng.

Từ các phân tích và nhận định nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại về phần trách nhiệm dân sự và không chấp nhận kháng cáo về phần hình phạt. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 01/2018/HSST ngày 06/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư M’gar về phần trách nhiệm dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo không bào chữa, tranh luận gì về hành vi phạm tội của mình và chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

Đại diện hợp pháp cho người bị hại, người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp của bị hại không bào chữa, tranh luận gì thêm mà vẫn đề nghị Hội đồng xét xử không cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ để kết luận, Vào khoảng 11 giờ ngày 13/9/2018, Đặng Trần Phương U đã có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 54X-5893 đi từ xã B về xã E. Khi đi đến đoạn đường thuộc thôn H, xã B, huyện C, Đặng Trần Phương U đã vượt xe mô tô do ông Nông Văn N điều khiển chở theo vợ bà Hoàng Thị T. Do bị cáo vượt xe không đúng quy định nên đã xảy ra va chạm với xe mô tô của ông N. Hậu quả làm bà T bị tử vong tại chỗ, ông N bị xây xát nhẹ, xe mô tô bị hư hỏng nhẹ. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Đặng Trần Phương U về tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*" theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nông Văn N về việc không cho bị cáo Đặng Trần Phương U được hưởng án treo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Đặng Trần Phương U 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Bởi lẽ, bị cáo Đặng Trần Phương U là người có nhân thân tốt, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho gia đình người bị hại để khắc phục hậu quả; khi phạm tội bị cáo là phụ nữ đang mang thai; bị cáo không có chồng một mình phải nuôi dạy 04 con nhỏ, cháu lớn nhất sinh năm 2000, cháu nhỏ nhất sinh ngày 13/02/2019. Bị cáo có đủ các điều kiện được hưởng án treo được quy định tại Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do vậy, không có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại ông Nông Văn N không cho bị cáo được hưởng án treo mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo.

[3] Xét kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nông Văn N về việc yêu cầu bị cáo cùng với chủ phương tiện ông Quách Đình H phải liên đới bồi thường số tiền 100.000.000 đồng cho ông, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo Đặng Trần Phương U cùng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Quách Đình H có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại cho gia

đình người bị hại số tiền 85.000.000 đồng nhưng không chia phần bồi thường cụ thể đối với từng người là không đúng và gây khó khăn cho công tác thi hành sau này. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm giữa bị cáo Đặng Trần Phương U, người đại diện hợp pháp của bị hại, người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Quách Đình H đã tự nguyện thỏa thuận, thống nhất như sau, số tiền 140.000.000 đồng gồm: tiền chi phí mai táng, tiền bù đắp tổn thất tinh thần và các chi phí hợp lý khác mà người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu, sau khi khấu trừ số tiền 40.000.000 đồng bị cáo đã bồi thường. Số tiền còn lại 100.000.000 đồng bị cáo có trách nhiệm bồi thường 70.000.000 đồng và ông Quách Đình H có trách nhiệm bồi thường 30.000.000 đồng. Xét sự thỏa thuận như trên là hoàn toàn tự nguyện và đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần đơn kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nông Văn N về phần trách nhiệm dân sự và không chấp nhận kháng cáo về việc không cho bị cáo được hưởng án treo mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt. Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 01/2018/HSST ngày 06/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư M’gar về phần trách nhiệm dân sự.

[3] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự nên sửa bản án sơ thẩm về phần án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Nông Văn N được chấp nhận một phần, nên ông N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

[1] Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại ông Nông Văn N về phần trách nhiệm dân sự, không chấp nhận kháng cáo về việc không cho bị cáo hưởng án treo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt – Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2018/HSST ngày 06/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư M’gar về phần trách nhiệm dân sự.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, n, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đặng Trần Phương U **02 (hai)** năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **04 (bốn)** năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*".

Giao bị cáo Đặng Trần Phương U cho UBND phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

[2] Về phần trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 2 Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586, 591, 601 Bộ luật dân sự.

Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và các đương sự như sau:

Bị cáo cùng chủ phương tiện ông Quách Đình H có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông Nông Văn N – Là người đại diện hợp pháp của bị hại tổng số tiền 140.000.000 đồng gồm: tiền chi phí mai táng, tiền bù đắp tổn thất tinh thần và các chi phí hợp lý khác, được khấu trừ vào số tiền 40.000.000 đồng bị cáo đã bồi thường. Số tiền còn lại 100.000.000 đồng bị cáo có trách nhiệm bồi thường 70.000.000 đồng và ông Quách Đình H có trách nhiệm bồi thường 30.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án khi đương sự có yêu cầu.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Đặng Trần Phương U phải chịu 3.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và ông Quách Đình H phải chịu 1.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về án phí hình sự sơ thẩm và phúc thẩm: Bị cáo Đặng Trần Phương U phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Ông Nông Văn N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *TAND tối cao;*
- *TAND cấp cao tại Đà Nẵng;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);*
- *Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;*
- *Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;*
- *Sở Tư pháp;*
- *TAND huyện Cư M'gar;*
- *VKSND huyện Cư M'gar;*
- *Công an huyện Cư M'gar;*
- *Chi cục THADS huyện C;*
- *T.H.A.HS Công an huyện C;*
- *Bị cáo;*
- *Lưu Hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hằng